

Số: 93 /BC-SNN

Bắc Giang, ngày 07 tháng 5 năm 2014

## **BÁO CÁO**

### **Phục vụ Đoàn giám sát của Ủy ban pháp luật, Quốc hội khóa XIII**

Căn cứ Công văn số 308/SNV-XDCQ ngày 15/4/2014 của Sở Nội vụ tỉnh Bắc Giang về việc báo cáo phục vụ Đoàn giám sát của Ủy ban pháp luật, Quốc hội khóa XIII.

Căn cứ Chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, Sở Nông nghiệp & PTNT báo cáo như sau:

#### **I. Khái quát chung:**

##### **1. Chức năng, nhiệm vụ:**

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, tham mưu giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương về: nông nghiệp; lâm nghiệp; thủy sản; thủy lợi và phát triển nông thôn; phòng, chống lụt, bão; an toàn nông sản, lâm sản và thủy sản trong quá trình sản xuất đến khi đưa ra thị trường; về các dịch vụ công thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn; thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự uỷ quyền của UBND tỉnh và theo quy định của pháp luật.

##### **2. Cơ cấu tổ chức:**

Sở Nông nghiệp & PTNT có 07 phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở; 09 đơn vị quản lý nhà nước và 10 đơn vị Sự nghiệp trực thuộc.

#### **II. Kết quả thực hiện nhiệm vụ lĩnh vực của ngành từ năm 2003-2013**

##### **1. Công tác tham mưu, đề xuất ban hành cơ chế chính sách phục vụ phát triển nông nghiệp.**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Tỉnh Đảng bộ lần thứ XV, XVI, XII, Sở Nông nghiệp đã chủ động tham mưu cho Tỉnh ủy ban hành các chương trình sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa (Đại hội XI); chương trình sản xuất nông nghiệp hàng hóa (Đại hội XVI); chương trình sản xuất nông nghiệp hàng hóa gắn với xây dựng nông thôn mới (Đại hội XVII). Tham mưu trình HĐND, UBND các quy hoạch, kế hoạch, Đề án và các cơ chế chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp, cụ thể:

##### **1.1. Các chương trình:**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XII Sở đã tham mưu đề xuất trình tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 36/TU-NQ về “chương trình phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa”. Trong đó chú trọng đầu tư phát triển “4 cây, 2 con” cây lúa để đảm bảo an ninh lương thực, cây lạc, cây rau chế biến, cây ăn quả chủ yếu là vải thiều; 2 con là bò lai sind; lợn hướng nạc.

- Tại Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XVI, Sở Tham mưu đề xuất tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 52/TU-NQ về chương trình sản xuất nông nghiệp hàng hóa, tập trung phát triển “4 cây, 3 con”; cây lúa, lạc, cây ăn quả, cây rau mẫu phục vụ chế biến; 3 con là lợn hướng nạc, gia cầm và thủy sản.

- Đại hội Tỉnh Đảng bộ lần thứ XVII, Sở tham mưu đề xuất xây dựng chương trình phát triển sản xuất hàng hóa gắn với xây dựng nông thôn mới. Tại Đại hội đã khẳng định các loại cây tập trung phát triển hàng hóa “lúa, lạc, cây ăn quả, rau an toàn, đồng thời đưa vào chương trình cây lâm nghiệp trong đó có 20% là gỗ lớn; con hàng hoa là: Bò Rebu, lợn, gia cầm và thủy sản.

### 1.2. Các quy hoạch, chính sách, đề án:

- Các quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp và các quy hoạch cụ thể phát triển ngành giai đoạn từ 2003 đến 2013 (bao gồm 16 quy hoạch) như: Quy hoạch phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2006-2020; Điều chỉnh quy hoạch tổng thể về cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Bắc Giang đến năm 2015; Quy hoạch vùng rau an toàn và rau chế biến tỉnh Bắc Giang đến năm 2020; Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch bố trí, ổn định dân cư giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020; ..

+ Về chính sách: Tham mưu trình HĐND và UBND tỉnh ban hành 18 chính sách gồm: Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển chăn nuôi - thú y thời kỳ 2006-2010; chính sách hỗ trợ đầu tư công trình cấp nước sạch tập trung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2006-2010; Chính sách hỗ trợ đầu tư trồng rừng kinh tế tập trung và trồng cây phân tán giai đoạn 2006-2010 và giai đoạn 2010 – 2015; Chính sách hỗ trợ phát triển vùng rau chế biến giai đoạn 2010 – 2012; Chính sách bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên giai đoạn 2012-2016; Chính sách hỗ trợ khuyến khích đồn điền, đổi thửa; xây dựng cánh đồng mẫu giai đoạn 2014-2016...

+ Về đề án: Đã tham mưu cho UBND tỉnh phê duyệt 12 đề án gồm: Đề án phát triển sản xuất khoai tây giai đoạn 2007-2010; Đề án phát triển sản xuất nấm giai đoạn 2007-2010 và 2012-2015; Đề án hỗ trợ ghép cải tạo, cơ cấu lại giống vai giai đoạn 2008-2010; Đề án hỗ trợ cải tạo, nâng cao chất lượng đàn lợn đực giống, bò đực giống giai đoạn 2008-2010; Đề án hỗ trợ nuôi cá hàng hoá thâm canh cao giai đoạn 2008-2010; Đề án giao rừng, cho thuê rừng giai đoạn 2009-2013; Đề án phát triển lúa lai giai đoạn 2009 – 2011 và 2011-2013; Đề án nâng cao Chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp và Phát triển khí sinh học tỉnh Bắc Giang; Đề án Cơ giới hoá và giảm tổn thất sau thu hoạch trong nông nghiệp tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2011 - 2015; Đề án nâng cao chất lượng giống thủy sản tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2012 - 2015.

+ Nhóm các dự án đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất gồm: Dự án hiện đại hoá hệ thống thủy lợi Cầu Sơn - Cẩm Sơn; Dự án nâng cấp hệ thống thủy lợi Nam Yên Dũng; Dự án nâng cấp kênh trục hệ thống thủy lợi Sông Cầu; Dự án cụm công trình thủy lợi Hàm Rồng huyện Lục Ngạn; Dự án cải tạo, nâng cấp cụm công trình hồ chứa huyện Lục Ngạn; Dự án cải tạo, nâng cấp công trình thủy lợi cụm hồ huyện Yên Thế; Dự án hệ thống thủy lợi sông Sỏi huyện Yên Thế; Dự án nâng cấp Trung tâm giống thủy sản cấp I; Dự án nâng cấp Trung tâm giống cây ăn quả - cây lâm nghiệp; Dự án đầu tư xây dựng Trại giống lợn ông bà 150 nái; Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm giống nam

- Các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất gồm: Dự án nâng cấp công ty giống cây trong, đầu tư sản xuất hạt giống lúa lai F1, phát triển giống lạc mới; dự án phát triển

đàn giống lợn hương nạc, lợn chất lượng cao; dự án phát triển giống gia cầm; dự án cải tạo đàn bò; dự án nhân giống thủy sản, dự án nuôi thủy sản ở chân ruộng trũng; dự án giống cây lâm nghiệp; dự án phát triển vùng nguyên liệu dứa cho nhà máy chế biến, khôi phục và phát triển vùng cam truyền thống Bồ Hạ.

## **2. Kết quả cụ thể:**

### **2.1. Lĩnh vực nông nghiệp.**

#### *a. Trồng trọt*

+ Lĩnh vực trồng trọt trong giai đoạn 2003-2013 gặp nhiều khó khăn như: thời tiết diễn biến bất thường, hạn hán, rét đậm, rét hại liên tiếp xảy ra hại; sâu bệnh nhiều và xuất hiện một số sâu bệnh mới (vàng lùn, lùn sọc đen, lùn xoắn lá trên lúa). Diện tích đất nông nghiệp, đặc biệt là đất lúa ngày càng giảm, đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến giá trị sản xuất ngành trồng trọt. Trước những khó khăn đó với sự chủ động của ngành sự nỗ lực của các cấp, các ngành cùng bà con nông dân tập trung chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu cây trồng, cơ cấu giống, tăng cường cán bộ bám sát đồng ruộng đưa những giống cây mới có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất; tăng trà lúa xuân muộn, mùa sớm; giảm trà xuân sớm, mùa muộn; mở rộng diện tích lúa lai, lúa chất lượng cao; thực hiện tốt công tác dự tính dự báo, chỉ đạo các biện pháp phòng, trừ sâu bệnh trên cây trồng; chủ động điều hành mực nước đảm bảo đủ nguồn nước tưới, phục vụ kịp thời sản xuất nông nghiệp.

+ Sản xuất lương thực: Sản lượng lương thực có hạt liên tục tăng trong các năm, năm 2013 đạt 625.053 tấn, tăng hơn 70,1 nghìn tấn so với năm 2003 (trong đó sản lượng lúa năm 2013 đạt 588.727 tấn, tăng 62,8 nghìn tấn so với năm 2003; năng suất cây lúa năm 2013 đạt 52,72 tạ/1ha, tăng 7,34 tạ/1ha so với năm 2003).

+ Đối với cây ăn quả: Đã hình thành vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn như vùng chuyên canh cây vải thiều lớn nhất cả nước, diện tích cho quả là 33.388ha, năng suất năm 2013 đạt 40,57 tạ/01ha, tăng 19,9 tạ/01ha; sản lượng đạt 135.449 tấn, tăng 66.452 tấn so với năm 2005 (sản lượng bình quân từ năm 2005 đến 2013 đạt 146.722 tấn).

+ Cây công nghiệp ngắn ngày: Diện tích cây công nghiệp ngắn ngày luôn ổn định ở mức từ 14-15 nghìn ha. Trong sản xuất đã xác định cây lạc là cây hàng hóa thế mạnh của tỉnh. Hình thành vùng lạc thương phẩm và lạc giống lớn nhất các tỉnh miền núi phía bắc và đứng thứ 5 toàn quốc. Diện tích năm 2013 là 11.662 ha, năng suất đạt 24,68 tạ/01 ha, sản lượng đạt 28.779 tấn (tăng 20,8 tấn so với năm 2003).

#### *b. Chăn nuôi*

Do ảnh hưởng của thời tiết, tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp như: lở mồm long móng, rối loạn sinh sản và hô hấp trên đàn lợn, dịch cúm gia cầm..., giá thức ăn tăng cao, giá bán sản phẩm không ổn định, người chăn nuôi bị thua lỗ. Song được sự quan tâm đầu tư của tỉnh, với các chương trình hỗ trợ về chăn nuôi, thú y đã tạo động lực cho chăn nuôi phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng đàn vật nuôi, góp phần đưa giá trị sản xuất ngành chăn nuôi trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông nghiệp của tỉnh tăng từ 30% năm 2003 lên 51,97% năm 2012.

+ Trong đó tổng đàn lợn năm 2003 là 842.974 con, tăng lên 1.193.608 con năm 2013 (tăng 41%), đứng thứ 5 toàn quốc.

+ Đàn gia cầm năm 2003 là 8.102.000 con, tăng lên 16.015.000 con năm 2013 (tăng 98%), là tỉnh có đàn gia cầm đứng thứ 3 cả nước, đã hình thành cùng chăn nuôi gà hàng hóa tập chung tại huyện Yên Thế.

### *c. Thủy sản:*

Phong trào chuyển dịch đất cấy lúa 1 vụ không ăn chắc sang trồng cây khác có giá trị cao hơn và nuôi trồng thủy sản đã được các huyện, thành phố và bà con nông dân đồng tình ủng hộ. Đến năm 2013, toàn tỉnh đã có 12.010 ha diện tích mặt nước được đưa vào nuôi thủy sản, tăng 44,4 % so với năm 2003 (năm 2003 là 8.317 ha), trong đó diện tích nuôi thâm canh và bán thâm canh đạt 3.200 ha, chiếm 26% diện tích nuôi trồng thủy sản.

Sản lượng thu hoạch thủy sản năm 2013 đạt 29.000 tấn tăng 228% so với năm 2003 (trong đó sản lượng cá nuôi là 26.700 tấn, sản lượng thủy sản khai thác tự nhiên 2.300 tấn). Bắc Giang trở thành tỉnh đứng đầu về sản lượng nuôi thủy sản trong tổng số 14 tỉnh trung du miền núi phía Bắc.

Sản xuất con đặc sản như ba ba, ếch có xu hướng tăng lên qua các năm, năm 2003 sản lượng nuôi ba ba toàn tỉnh mới đạt 10 tấn, ba ba giống đạt 45.500 con, đến năm 2013 sản lượng ba ba tăng lên 44,6 tấn (tăng 4,5 lần so với năm 2003), ba ba giống đạt 85.020 con các loại (tăng 1,9 lần so với năm 2003).

## **2. Lĩnh vực lâm nghiệp**

Thực hiện tốt chương trình trồng mới 5 triệu ha rừng của Chính phủ, cùng với các dự án trồng rừng do nước ngoài tài trợ, ngành nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo thực hiện quy hoạch phát triển rừng, rà soát quy hoạch ba loại rừng, ổn định đất rừng, đất lâm nghiệp, tăng cường công tác giao đất, giao rừng, khoán khoanh nuôi bảo vệ rừng; phối hợp với các địa phương đặc biệt là các huyện miền núi đã tích cực huy động các nguồn tài chính và nhân lực, thực hiện lồng ghép các chương trình dự án trên địa bàn để thực hiện phát triển và bảo vệ vốn rừng.

Từ 2003 đến 2013 toàn tỉnh trồng được mới 47.112,0 ha rừng (trong đó: trồng rừng phòng hộ, đặc dụng 5.714,6 ha; trồng rừng sản xuất 41.397,4 ha) và 13,07 triệu cây phân tán (tương đương 8.700 ha rừng trồng tập trung); hỗ trợ đầu tư khoán bảo vệ rừng 389.316,9 lượt ha (trong đó: hỗ trợ khoán bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn 225.028,3 lượt ha, hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đặc dụng 100.136,2 lượt ha, hỗ trợ khoán bảo vệ rừng sản xuất 64.152,4 lượt ha); tỉ lệ che phủ của rừng đạt 36,5%. Thực hiện khai thác (từ 2003-2013) 19.110,5 ha (trong đó rừng trồng 17.686,9ha; rừng tự nhiên 1.423,6ha) được 803.325,5 m<sup>3</sup> gỗ, 226.111,7 ste củi và 12.159,15 cây tre, nứa. Đã đo đạc, lập hồ sơ giao, cho thuê rừng được 70.574,289 ha rừng và đất lâm nghiệp cho 13.554 tổ chức, hộ gia đình và cộng đồng dân cư thôn.

Đến nay cơ bản đã hoàn thành mục tiêu giao diện tích rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh cho các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân để sản xuất kinh doanh ổn định vào mục đích lâm nghiệp. Thành quả của công tác giao rừng và đất lâm nghiệp góp phần thực hiện chủ trương xã hội hoá công tác bảo vệ và phát triển rừng, nhằm phát triển kinh tế, xoá đói, giảm nghèo, nâng cao thu nhập từ kinh tế đồi rừng cho nhân dân miền núi.

## **2.2. Lĩnh vực thủy lợi, đê điều**

### **a. Lĩnh vực thủy lợi:**

Hệ thống các công trình thủy lợi lớn được đầu tư cải tạo nâng cấp, nâng cao năng lực tưới tiêu phục vụ sản xuất; một số công trình đầu mối, kênh chính, hồ chứa đã được cải tạo nâng cấp như: xây dựng hệ thống thủy lợi hồ Chùa Sừng, sông Sỏi Yên Thế, xây dựng cụm hồ Hàm Rồng, cải tạo nâng cấp cụm hồ Lòng Thuyền, Suối Nứa, Bản Lầy, cụm hồ huyện Lục Ngạn, cải tạo nâng cấp Hệ thống hồ thủy lợi Yên Thế, cải tạo nâng cấp Hệ thống kênh trục Sông Cầu, cải tạo nâng cấp Hệ thống thủy lợi Nam Yên Dũng, hiện đại hoá hệ thống thủy lợi Cầu Sơn - Cẩm Sơn, cứng hóa kênh mương..

Trong giai đoạn từ năm 2003 đến 2013, tỉnh Bắc Giang đã triển khai trên 10 dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ và nguồn vốn do Bộ Nông nghiệp và PTNT cấp để đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp đảm bảo an toàn các hồ chứa nước với tổng mức đầu tư trên 1.538,184 tỉ đồng. Đến nay Bắc Giang hiện có 1.642 công trình thủy lợi gồm: 618 hồ chứa (31 hồ có dung tích chứa từ 1 triệu m<sup>3</sup> đến trên 300 triệu m<sup>3</sup>, 587 hồ chứa có dung tích dưới 1 triệu m<sup>3</sup>); 202 đập dâng (02 đập dâng lớn và 200 đập nhỏ); 822 trạm bơm (52 trạm vừa và lớn, 770 trạm cục bộ nhỏ); 7.924 km kênh mương tưới, tiêu các cấp (kênh tưới dài 6.481km, kiên cố hoá 2.527km đạt 39%; kênh tiêu dài 1.443km kênh đất). Các công trình thủy lợi sau khi được đầu tư nâng cấp đã nâng diện tích tưới cả năm: 170.460 ha/181.300 ha đạt 94% diện tích cần tưới; diện tích tiêu toàn bộ lưu vực: 136.735ha đạt 100%.

### **b. Lĩnh vực đê điều:**

Bắc Giang hiện có 3 tuyến đê cấp III tổng chiều dài 130,258 km. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh còn có 7 tuyến đê cấp IV, chiều dài 106 km và 25 tuyến đê bồi, 14 tuyến đê bao tổng chiều dài trên 170 km; trên các tuyến đê, có 44 kè, 286 cống, 86 điểm canh đê. Các tuyến đê trên bảo vệ cho 241.623 ha đất canh tác, khu đô thị, khu công nghiệp v.v.... và gần 1 triệu dân.

Từ năm 2003 đến 2013 đã đầu tư kinh phí cho nâng cấp, tu bổ thường xuyên và duy tu, sửa chữa nhỏ hệ thống đê điều và xử lý cấp bách với tổng kinh phí 405 tỉ đồng. Tu bổ 103,5 km đê; trên 11 kè ; sửa chữa và làm mới 12 cống dưới đê ; khoan phụt vữa gia cố thân đê 7km ; gia cố 53 km mặt đê ; xây dựng 36 điểm canh đê, trụ sở các hạt quản lý đê..

- Về công tác huy động lực lượng chống và khắc phục hậu quả thiên tai.

Thống kê trong giai đoạn 2003-2013, tỉnh Bắc Giang đã chịu ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp của 33 cơn bão, 8 áp thấp nhiệt đới. Thiên tai, lũ lụt đã làm chết 25 người, bị thương 47 người, làm sập 889 ngôi nhà; ngập, tốc mái, hư hại trên 17.000

ngôi nhà; hư hỏng 506 cầu, cống; mất trắng 27.294 ha lúa, 11.358 ha hoa màu và một số công trình khác, tổng thiệt hại về vật chất ước gần 1.000 tỷ đồng.

Sở Nông nghiệp đã làm tốt công tác tham mưu cho UBND, Ban chỉ huy PCLB giảm nhẹ thiên tai tỉnh tổ chức quán triệt các văn bản Luật, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, cấp trên về công tác phòng chống, giảm nhẹ thiên tai và TKCN đến các cấp, các ngành từ tỉnh đến các địa phương, cơ sở; đồng thời phối hợp tốt với Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Ban chỉ huy PCLB - TKCN các huyện, thành phố trong công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương; qua đó đã giảm nhẹ được thiệt hại do thiên tai gây ra.

Từ năm 2003 - 2013 đã huy động hàng chục vạn cán bộ, chiến sỹ tham gia tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh (đã có 19.935 lượt người tham gia, 34 lượt xuống cao tốc, 523 lượt ô tô v.v...). Kết quả đã sơ tán được 16.797 hộ dân với trên 67.000 người và cứu được 1.036 người ra khỏi vùng nguy hiểm đến nơi an toàn, chuyển 5.870 thùng mỳ tôm, lương khô, nước uống cứu trợ cho nhân dân; đắp, tu sửa trên 200 km đường giao thông, sửa chữa, xây dựng gần 800 nhà tạm cho dân, khám chữa bệnh và cấp thuốc miễn phí trên 500 người vùng thiên tai v.v...

### **III. Công tác thanh tra, kiểm tra**

Hàng năm Sở Nông nghiệp & PTNT Bắc Giang được UBND tỉnh giao chủ trì 02 đoàn kiểm tra liên ngành của tỉnh về kiểm tra việc sản xuất kinh doanh phân bón, giống cây trồng, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, bảo vệ thực vật. Bên cạnh đó Thanh tra sở và các chi cục Thú y, BVTV, Kiểm lâm, QLCL Nông lâm sản và Thủy sản thường xuyên tiến hành kiểm tra theo kế hoạch và đột xuất, kịp thời phát hiện và xử lý các vi phạm, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực.

+ Kết quả công tác kiểm tra lĩnh vực nông nghiệp:

Từ năm 2003-2013, qua công tác kiểm tra đã tiến hành xử lý 9.240 tổ chức, cá nhân vi phạm liên quan đến công tác sản xuất, kinh doanh phân bón, thóc giống, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, phá rừng, cháy rừng, khai thác, mua bán, cất giữ, chế biến, vận chuyển lâm sản. Xử phạt vi phạm hành chính nộp ngân sách nhà nước 18.588.742.000đ.

+ Kết quả công tác thanh tra:

Từ năm 2006-2013, Thanh tra Sở Nông nghiệp tiến hành 42 cuộc thanh tra kinh tế xã hội, phát hiện 25 đơn vị có sai phạm với tổng số tiền sai phạm là 1.404.996.200 (trong đó đã tiến hành thu hồi nộp ngân sách nhà nước số tiền 874.567.100đ, đề nghị giám trừ quyết toán 530.429.100đ).

Qua công tác thanh tra, kiểm tra, Sở Nông nghiệp & PTNT đã phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật, phát hiện những sơ hở trong cơ chế quản lý, chính sách, để từ đó có những kiến nghị phù hợp đối với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý hành chính nhà nước.

#### **IV. Mối quan hệ phối hợp với các đoàn thể trong tỉnh trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn lĩnh vực nông nghiệp**

Thực hiện các chương trình, Nghị quyết qua các kỳ Đại hội, Sở chủ động phối hợp với các ban ngành đoàn thể trong tỉnh tổ chức ký kết giao ước thi đua phục vụ sản xuất nông nghiệp như: Giao ước thi đua giữa Sở Nông nghiệp & PTNT với Hội Nông dân tỉnh về việc xây dựng hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, hộ nông dân làm giàu; Giao ước giữa Sở Nông nghiệp & PTNT với Liên Đoàn lao động tỉnh về việc đẩy mạnh phong trào công nhân viên chức lao động thi đua phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và phát triển nông thôn; giao ước thi đua giữa Sở Nông nghiệp với Tỉnh Đoàn thanh niên; Hội cựu chiến binh tỉnh; Hội phụ nữ tỉnh; Đài phát thanh, truyền hình tỉnh; Báo Bắc Giang. Thông qua giao ước thi đua đã tập hợp mọi tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn tỉnh tập trung phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn bền vững theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần quan trọng xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

#### **V. Những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân**

##### **1. Hạn chế tồn tại**

1. Công tác hoạch định chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển trong lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn còn hạn chế; nhìn chung chất lượng quy hoạch còn thấp, tính đồng bộ giữa các quy hoạch chưa cao, việc điều chỉnh, bổ sung chưa kịp thời.

2. Quy mô sản xuất nông nghiệp còn nhỏ, hiệu quả và sức cạnh tranh còn thấp; chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm; năng suất lao động và hiệu quả kinh tế còn chưa cao; chưa có nhiều sản phẩm sản xuất hàng hoá lớn và tập trung; chất lượng các sản phẩm nông nghiệp hàng hoá, tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm chưa cao. Nông nghiệp phát triển chưa thật sự bền vững và chưa phát huy hết tiềm năng, lợi thế của địa phương.

3. Kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn chưa đồng bộ, chất lượng còn thấp, công tác duy tu bảo dưỡng chưa thường xuyên; về mùa mưa đi lại còn gặp nhiều khó khăn; các công trình thủy lợi tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp đều đã cũ và xuống cấp do thiếu vốn đầu tư nâng cấp, duy tu bảo dưỡng, gây nguy cơ mất an toàn trong mùa mưa lũ.

4. Tình trạng ô nhiễm môi trường do rác thải rắn, chất thải chăn nuôi, nước thải sinh hoạt còn xảy ra ở một số khu vực làng nghề, vùng chợ nông thôn, vùng dân cư tập trung... ; hiệu quả một số công trình nước sạch tập trung chưa cao, một số công trình triển khai còn chậm do thiếu vốn đối ứng từ phía người dân nên hiệu quả chưa cao.

##### **2. Nguyên nhân**

###### **- Nguyên nhân khách quan**

+ Nền sản xuất nông nghiệp của tỉnh có xuất phát điểm thấp, cơ bản vẫn là sản xuất nhỏ; tỷ lệ cơ giới hóa trong các khâu của quá trình sản xuất thấp, thiếu kiến thức về sản xuất hàng hóa, chất lượng lao động trong nông nghiệp giảm do một bộ phận lao động trẻ có kiến thức dịch chuyển sang lao động công nghiệp dịch vụ.

+ Một số văn bản hướng dẫn thực hiện luật của các bộ, ngành Trung ương ban hành thiếu đồng bộ, chưa kịp thời.

+ Điều kiện tự nhiên, cơ sở hạ tầng miền núi, vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn; trình độ dân trí thấp, tập tục xã hội lạc hậu, tính y lại còn khá phổ biến trong đồng bào dân tộc thiểu số.

### **- Nguyên nhân chủ quan**

+ Sự phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương các cấp trong việc quản lý, thực hiện quy hoạch chưa chặt chẽ; chất lượng quy hoạch và tổ chức chỉ đạo sản xuất theo quy hoạch còn hạn chế. Chưa quy hoạch được các vùng sản xuất nông nghiệp an toàn.

+ Việc xây dựng các chương trình, đề án, kế hoạch tổ chức thực hiện các chương trình ở một số huyện và cơ sở còn chậm, nội dung còn dàn trải, chưa quán triệt đầy đủ nội dung các chương trình của tỉnh và chưa sát với tình hình thực tế của từng địa phương.

+ Ruộng đất manh mún đã làm hạn chế quy hoạch vùng sản xuất tập trung, khả năng áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất; hạn chế việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất dẫn đến năng suất lao động ở nông thôn chưa cao;

+ Năng lực, trình độ của một bộ phận cán bộ, nhất là ở cơ sở còn bất cập so với yêu cầu, nhiệm vụ; còn thụ động, trông chờ, y lại cấp trên, thiếu năng động, sáng tạo trong triển khai thực hiện các chương trình.

## **VI. Kiến nghị, đề xuất:**

1. Đề nghị Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương sửa đổi, bổ sung một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp do trong quá trình thực hiện còn nhiều bất cập, cụ thể:

- Đối với Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn: Đề nghị sửa đổi, bổ sung đối tượng sản xuất nông nghiệp thuộc các phường và thị trấn được vay vốn theo Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ, vì đối tượng sản xuất nông nghiệp thuộc các phường và thị trấn thực tế hiện nay vẫn còn rất nhiều.

- Đối với Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 11/5/2012 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa: Đề nghị sửa đổi chính sách hỗ trợ đối với người sản xuất lúa hàng năm, vì thực tế hiện nay khi áp dụng chính sách thì mỗi hộ được hỗ trợ rất thấp (bình quân chỉ vài chục nghìn / hộ/ năm), lại phải làm rất nhiều thủ tục xong mới được hỗ trợ. Vì vậy, đề nghị sửa đổi, bổ sung theo hướng nâng mức hỗ trợ lên (tương ứng bằng với chi phí để mua thóc giống), hoặc chuyển sang hình thức hỗ trợ bằng hiện vật (giống lúa), hoặc chuyển sang hình thức hỗ trợ tập trung để đầu tư cho các cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất.

2. Đề nghị Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương trong thời gian tới tăng vốn đầu tư cho phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, nông thôn và vốn cho các Chương trình mục tiêu quốc gia để đảm bảo thực hiện được mục tiêu của các



chương trình đề ra, nhất là các tỉnh chưa cân đối được ngân sách như tỉnh Bắc Giang. Đồng thời, tạo điều kiện để thực hiện một số nội dung cấp bách trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

- Bố trí đủ vốn để hoàn thành các dự án còn dở dang, với tổng số kinh phí 444 tỷ đồng (bao gồm: Dự án Cụm công trình thủy lợi Hàm Rồng huyện Lục Ngạn 113 tỷ đồng; Hệ thống thủy lợi Sông Sỏi huyện Yên Thế 204 tỷ đồng; Xử lý đột xuất chống sạt lở kè Đại Mão K9,27-K10,2 đê tả Cầu 32 tỷ đồng; Cải tạo, nâng cấp Trạm bơm Cổ Dũng 26 tỷ đồng; Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Trúc tay 69 tỷ đồng);

- Bố trí vốn cho các dự án để khởi công mới, với tổng kinh phí khoảng 2.336 tỷ đồng (bao gồm: Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm và hệ thống kênh tưới tiêu khu vực huyện Việt Yên, Tân Yên, Hiệp Hoà thuộc hệ thống thủy lợi Sông Cầu tỉnh Bắc Giang 171 tỷ đồng; Sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi Sông Cầu tỉnh Bắc Giang 661 tỷ đồng; Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh cấp 2, cấp 3 và các trạm bơm tiêu thuộc hệ thống thủy lợi Cầu Sơn - Cẩm Sơn 704 tỷ đồng; Cải tạo, nâng cấp 9 hồ chứa nước còn lại tỉnh Bắc Giang, hiện nay đã xuống cấp, không đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ, với tổng kinh phí khoảng 200 tỷ đồng; Chương trình cải tạo, nâng cấp hệ thống đê sông tỉnh Bắc Giang khoảng 600 tỷ đồng);

- Bố trí vốn cho các dự án di dân và ổn định dân cư vùng thiên tai, đặc biệt khoá khẩn, biên giới hải đảo, di cư tự do, xung yếu và rất xung yếu của rừng phòng hộ, khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng (Thuộc Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 193/2006/QĐ-TTg ngày 24/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ, nay là Quyết định 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012), với tổng kinh phí là 116,3 tỷ đồng (bao gồm: Dự án sắp xếp và ổn định dân cư vùng cần di dời khẩn cấp khỏi lòng hồ Cẩm Sơn thuộc thôn Na Hem, xã Hộ Đáp, huyện Lục Ngạn 26 tỷ đồng; Dự án sắp xếp và ổn định dân cư vùng cần di dời khẩn cấp khỏi lòng hồ Cẩm Sơn thuộc thôn Cái Cạn, xã Hộ Đáp, huyện Lục Ngạn 68,6 tỷ đồng; Dự án sắp xếp và ổn định dân cư vùng thiên tai xã Vân Hà, huyện Việt Yên 21,7 tỷ đồng);

- Bố trí vốn để thực hiện Dự án di dân, tái định cư Trường bắn quốc gia Khu vực I, với tổng kinh phí là 286,2 tỷ đồng (bao gồm: Dự án Khu tái định cư tập trung cho toàn bộ 48 hộ dân thôn Đèo Chũ, huyện Lục Ngạn 68,8 tỷ đồng; Dự án đầu tư hỗ trợ đời sống, sản xuất cho hộ tái định cư và cộng đồng dân sở tại của một số xã có tiếp nhận dân tái định cư thuộc dự án di dân tái định cư trường bắn Quốc gia khu vực I là 217,4 tỷ đồng);

- Đề nghị nâng mức đầu tư hàng năm cho Chương trình nước sạch và VSMTNT: Hiện nay, tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 87,5% (số liệu năm 2013), nhưng chủ yếu vẫn là từ các nguồn như giếng khơi, giếng khoan gia đình, bể chứa nước mưa trên 68%; tỷ lệ được sử dụng nước sạch tập trung còn hạn chế chiếm khoảng 12%, trong khi nguồn lực đầu tư cho xây dựng các công trình nước tập trung của tỉnh còn nhiều khó khăn. Hiện nay, bình quân mỗi năm được cấp khoảng từ 30-32 tỷ đồng/năm, trong đó vốn NS tỉnh 4-5 tỷ đồng (so với nhu cầu vốn từ 60-70 tỷ

đồng/năm, chỉ đạt 50% nhu cầu vốn); đề nghị Bộ, ngành TW tăng kinh phí gấp 2 lần hiện nay để tạo điều kiện cho tỉnh Bắc Giang hoàn thành mục tiêu chương trình.

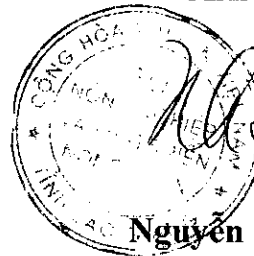
3. Bắc Giang là một tỉnh có nhiều lợi thế trong sản xuất nông nghiệp hàng hoá, nhiều sản phẩm nông sản đã có thương hiệu, nhưng chưa khai thác hết tiềm năng như các sản phẩm: vải thiều Lục Ngạn, Gà đồi Yên Thế, gạo thơm Yên Dũng, rau chế biến, lợn,... đề nghị Chính phủ và Bộ Nông nghiệp & PTNT tạo điều kiện để tỉnh Bắc Giang được tham gia Dự án nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp của tỉnh và tăng vốn đầu tư hàng năm cho Chương trình Giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thuỷ sản của tỉnh Bắc Giang để nhanh chóng hoàn thành các dự án đang thi công dở dang, với tổng kinh phí là 41,8 tỷ đồng (bao gồm: Dự án Cải tạo nâng cấp Trung tâm Giống thuỷ sản cấp I giai đoạn II: 17 tỷ đồng và dự án nâng cấp Trung tâm Giống cây ăn quả - cây lâm nghiệp giai đoạn II: 24,8 tỷ đồng).

Trên đây là báo cáo của Sở Nông nghiệp & PTNT Bắc Giang về kết quả thực hiện nhiệm vụ giai đoạn 2003-2013 gửi Sở Nội vụ tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Giám đốc; các Phó Giám đốc sở;
- Sở Nội vụ tỉnh Bắc Giang;
- Lưu VT, PC.

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Văn Khái**